

# Công Ty Cổ phần Đầu Tư Địa Ốc Khang An

*Báo cáo tài chính quý II năm 2018  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018*



# Công Ty Cổ phần Đầu Tư Địa Ốc Khang An

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Bảng cân đối kế toán	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	6 - 7
Thuyết minh báo cáo tài chính	8 - 17

1  
2  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
9  
10  
11  
12  
13  
14  
15  
16  
17

Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Khang An

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị: đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>233.524.737.295</b>	<b>228.685.744.829</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>3</b>	<b>16.729.724.495</b>	<b>3.867.909.435</b>
1. Tiền	111		16.729.724.495	3.867.909.435
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>213.836.833.215</b>	<b>224.233.953.909</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		15.082.128.333	22.068.272.277
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		13.686.945.507	16.558.713.102
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4	185.067.759.375	185.606.968.530
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137			
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Hàng tồn kho	141		-	-
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.958.179.585</b>	<b>583.881.485</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	1.893.938.044	491.763.100
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		914.977.360	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		92.118.385	92.118.385
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		57.145.797	
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>255.121.039.607</b>	<b>233.243.098.888</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>6.312.288.620</b>	<b>6.312.288.620</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	6	6.312.288.620	6.312.288.620
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>11.608.432.709</b>	<b>12.230.982.727</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	11.608.432.709	12.230.982.727
- Nguyên giá	222		14.258.475.442	14.197.566.351
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.650.042.733)	(1.966.583.624)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>161.139.975.009</b>	<b>156.639.484.272</b>
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241	8	161.139.975.009	156.639.484.272
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>9</b>	<b>74.970.016.800</b>	<b>56.970.016.800</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		24.296.800.000	24.296.800.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		50.673.216.800	32.673.216.800
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.090.326.469</b>	<b>1.090.326.469</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.090.326.469	1.090.326.469
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>488.645.776.902</b>	<b>461.928.843.717</b>

Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Khang An

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
Ngày 30 tháng 06 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>183.224.173.728</b>	<b>150.138.383.401</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>175.135.570.453</b>	<b>143.707.209.406</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	4.190.006.999	4.587.755.840
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		158.349.681.292	127.139.699.421
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	11	7.283.086.227	6.915.793.221
4. Phải trả người lao động	314			80.539.999
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	12	622.485.986	495.911.490
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	2.136.086.851	1.701.201.723
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	2.591.437.500	2.591.437.500
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		194.870.212	194.870.212
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.856.518.661</b>	<b>6.431.173.995</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	15	7.856.518.661	6.431.173.995
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>305.421.603.174</b>	<b>311.790.460.316</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	16	<b>305.421.603.174</b>	<b>311.790.460.316</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		239.999.990.000	239.999.990.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		239.999.990.000	239.999.990.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.542.524.567	3.542.524.567
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		61.879.088.607	68.247.945.749
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		65.559.945.861	47.501.989.053
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(3.680.857.254)	20.745.956.696
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>488.645.776.902</b>	<b>461.928.843.717</b>

*Lê Thị Na*

Lê Thị Na  
Người lập biểu

*Nguyễn Thị Thu Hồng*

Nguyễn Thị Thu Hồng  
Kế toán trưởng



*Nguyễn Hoàng Minh*  
Nguyễn Hoàng Minh  
Chủ tịch HĐQT

Ngày 27 tháng 07 năm 2018

# Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Khang An

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 2/2018	Quý 2/2017	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	2.122.294.806	8.962.973.300	2.667.294.806
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	17	-	2.122.294.806	8.962.973.300	2.667.294.806
4. Giá vốn hàng bán	11	18	-	2.032.676.106	6.354.908.492	2.532.676.106
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>-</b>	<b>89.618.700</b>	<b>2.608.064.808</b>	<b>134.618.700</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	1.621.722	4.975.701	3.701.678	9.894.047
7. Chi phí tài chính	22	20	54.917.176	59.897.686	109.985.223	114.965.733
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		54.917.176	55.679.914	110.747.961	110.747.961
8. Chi phí bán hàng	24		318.891.555		318.891.555	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	21	3.864.603.131	2.225.685.840	6.142.113.611	4.096.411.169
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(4.236.790.140)</b>	<b>(2.190.989.125)</b>	<b>(3.959.223.903)</b>	<b>(4.066.864.155)</b>
11. Thu nhập khác	31	22	470.284.294	636.741.002	693.199.877	949.937.786
12. Chi phí khác	32		212.144.864	4.200.000	212.144.864	4.200.000
13. Lợi nhuận khác	40		258.139.430	632.541.002	481.055.013	945.737.786
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(3.978.650.710)</b>	<b>(1.558.448.123)</b>	<b>(3.478.168.890)</b>	<b>(3.121.126.369)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51				202.688.364	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>(3.978.650.710)</b>	<b>(1.558.448.123)</b>	<b>(3.680.857.254)</b>	<b>(3.121.126.369)</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>		<b>(165)</b>	<b>(65)</b>	<b>(153)</b>	<b>(130)</b>

*ma*

Lê Thị Na  
Người lập biểu

Ngày 27 tháng 07 năm 2018

*Mon*

Nguyễn Thị Thu Hồng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Minh  
Chủ tịch HĐQT *Uud*

Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Khang An

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (phương pháp gián tiếp)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	30/01/2018
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>(3.978.650.710)</b>	<b>26.227.019.449</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao	02	7	343.252.272	593.234.614
- Các khoản dự phòng	03			(1.786.444.886)
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04			
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05			(298.621.796)
- Chi phí lãi vay	06			223.331.524
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(3.635.398.438)</b>	<b>24.958.518.905</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(13.268.888.289)	(112.219.654.057)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10			(10.381.776.349)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		28.105.787.413	73.292.423.618
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		1.402.174.944	(440.631.220)
- Tiền lãi vay đã trả	14			(223.331.524)
- Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15			(9.935.327.029)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		470.284.294	
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(212.144.864)	(487.990.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>12.861.815.060</b>	<b>(14.674.214.958)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
- Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			(8.734.300.000)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
- Tiền chi đầu tư vào đơn vị khác	25			(200.000.000)
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			

Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Khang An

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
-Tiền thu lãi cho vay,cổ tức &LN được chia	27			298.621.796
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30			(8.635.678.204)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
- Tiền thu từ đi vay	33			-
- Tiền trả nợ gốc vay	34			-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		12.861.815.060	(23.309.893.162)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3	3.867.909.435	27.177.802.597
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	3	16.729.724.495	3.867.909.435

*Na*

Lê Thị Na  
Người lập biểu

*Mon*

Nguyễn Thị Thu Hồng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Minh  
Chủ tịch HĐQT

*Minh*

Ngày 27 tháng 07 năm 2018

# Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Khang An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

*(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)*

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Khang An được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0302569547 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30 tháng 5 năm 2009 (được chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Khang An theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4102008398 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 2 năm 2002). Trong quá trình hoạt động, công ty đã điều chỉnh Giấy chứng nhận Đăng ký kinh như sau:

- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 1 ngày 29 tháng 9 năm 2009;
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 10 tháng 8 năm 2011;
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 22 tháng 2 năm 2012.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 ngày 14 tháng 1 năm 2013.

Ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty bao gồm: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (kinh doanh nhà ở); Giáo dục mầm non; Hoạt động tư vấn quản lý (không tư vấn tài chính, kế toán); Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (tư vấn bất động sản); Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (xây dựng dân dụng, công nghiệp); Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (đo đạc địa chính: đối với đo đạc bản đồ chỉ hoạt động khi được cấp giấy phép theo quy định của pháp luật).

Công ty có trụ sở tại: Tầng trệt (G-BLK-3), Tòa nhà The Manor, 91 Nguyễn Hữu Cảnh, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

## 2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam. Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

### *Năm tài chính*

Năm tài chính công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Bộ Tài Chính ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán đăng ký áp dụng của Công ty là Nhật ký chung, kế toán trên máy vi tính.

### *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền.



# Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Khang An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

## 2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### **Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chỉ phí quản lý trong năm.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm giá mua cộng với chi phí vận chuyển và chi phí thu mua. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

### **Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Phần vốn góp của Công ty trong Công ty liên doanh được hạch toán theo phương pháp giá gốc. Theo phương pháp này, phần vốn góp của Công ty trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các Công ty liên doanh sau ngày Công ty tham gia liên doanh được hạch toán vào mục thu nhập của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

### **Tài sản cố định và khấu hao**

Tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo nguyên giá, khấu hao và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm giá mua cộng chi phí vận chuyển, lắp đặt. Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian ước tính hữu ích của tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm

### **Chi phí lãi vay**

Chi phí lãi vay được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ các khoản được vốn hóa và liên quan đến các dự án đầu tư bất động sản. Cụ thể như sau:

- Chi phí lãi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm và xây dựng tài sản cố định cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định;
- Chi phí lãi vay liên quan đến các dự án đầu tư bất động sản được ghi nhận vào chi phí dự án.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

#### **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

#### **Tiền lãi**

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

# Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Khang An

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

### 2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

#### *Hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính bằng cách so sánh tỷ lệ của chi phí của hợp đồng phát sinh cho phần công việc đã được hoàn thành đến ngày này so với tổng chi phí hợp đồng, trừ khi tỷ lệ này không đại diện cho mức độ hoàn thành.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

#### *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm tài chính tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày kết thúc năm tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại cuối năm được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

#### *Thuế*

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế phải nộp được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng theo cơ sở kế toán.

### 3. TIỀN

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	30/06/2018	01/01/2018
Tiền mặt	8.723.413.748	363.429.555
Tiền gửi ngân hàng	8.006.310.747	3.504.479.880
Các khoản tương đương tiền		
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.729.724.495</b>	<b>3.867.909.435</b>

# Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Khang An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

## 4. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	30/06/2018	01/01/2018
Công ty TNHH Dacin Việt Nam Tân Tạo	3.914.009.600	3.914.009.600
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn Phải thu khác	181.153.749.775	181.692.958.930
<b>Tổng cộng</b>	<b>185.067.759.375</b>	<b>185.606.968.530</b>

## 5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	30/06/2018	01/01/2018
Chi phí công cụ dụng cụ	1.893.938.044	491.763.100
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.893.938.044</b>	<b>491.763.100</b>

## 6. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	30/06/2018	01/01/2018
Công ty Cổ Phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc III	2.751.292.500	2.751.292.500
Ký quỹ, ký cược dài hạn	741.876.058	741.876.058
Phải thu dài hạn khác	2.819.120.062	2.819.120.062
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.312.288.620</b>	<b>6.312.288.620</b>

# Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Khang An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

## 7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Phương tiện Vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	13.925.626.181	271.940.170	14.197.566.351
Tăng trong năm		60.909.091	60.909.091
Giảm khác (*)			
Số dư cuối năm	<b>13.925.626.181</b>	<b>332.489.261</b>	<b>14.197.566.351</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	1.720.337.896	246.245.728	1.966.583.624
Khấu hao tăng trong năm	674.246.986	9.212.123	340.206.837
Số dư cuối năm	<b>2.394.584.882</b>	<b>255.457.851</b>	<b>2.650.042.733</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	12.205.288.285	25.694.442	12.230.982.727
Tại ngày cuối năm	<b>11.531.041.299</b>	<b>77.391.410</b>	<b>11.608.432.709</b>

## 8. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH DỜ DANG DÀI HẠN:

Chỉ tiêu	30/06/2018	01/01/2018
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	161.139.975.009	156.639.484.272
<b>Tổng cộng</b>	<b>161.139.975.009</b>	<b>156.639.484.272</b>

## 9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Chỉ tiêu	30/06/2018	01/01/2018
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (*)	50.673.216.800	32.673.216.800
Đầu tư vào Công ty liên kết (**)	24.296.800.000	24.296.800.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>74.970.016.800</b>	<b>56.970.016.800</b>

(\*) Đầu tư vào Công ty TNHH Dacin Việt Nam Tân Tạo, Công ty góp vốn 32.273.216.800 đồng tương ứng 10% vốn điều lệ; Đầu tư vào Công ty TNHH Dịch vụ Gia Hưng Chính, Công ty chiếm 10% vốn điều lệ và Đầu tư vào Công ty TNHH Kinh doanh nhà An Việt Land, công ty chiếm 6% vốn điều lệ.

# Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Khang An

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

(\*\*) Đầu tư vào Công ty CP Xây Dựng và Kinh Doanh Địa Ốc III, Công ty CP Đầu Tư Địa Ốc Khang An hiện đang nắm giữ 26% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty CP Xây Dựng và Kinh Doanh Địa Ốc III và đầu tư vào Công ty TNHH Kinh Doanh Nhà An Hưng, Công ty chiếm 25% vốn điều lệ. Đầu tư vào Công ty TNHH Kinh Doanh Nhà Khang An Phú Đông, Công ty chiếm 49% vốn điều lệ.

### 10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	30/06/2018	01/01/2018
Phải trả người bán	4.190.006.999	4.587.755.840
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.190.006.999</b>	<b>4.587.755.840</b>

### 11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	30/06/2018	01/01/2018
Thuế giá trị gia tăng	655.972.573	655.972.573
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.379.256.372	6.176.568.008
Thuế thu nhập cá nhân	247.857.282	83.252.640
Các loại thuế khác		-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		-
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.283.086.227</b>	<b>6.915.793.221</b>

### 12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	30/06/2018	01/01/2018
Chi phí phải trả khác	622.485.986	495.911.490
<b>Tổng cộng</b>	<b>622.485.986</b>	<b>495.911.490</b>

### 13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	30/06/2018	01/01/2018
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	232.084.614	37.357.418
Công ty Cổ Phần Địa Ốc Khang Việt	431.981.735	321.996.512
Phải trả khác	1.472.020.502	1.341.847.793
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.136.086.851</b>	<b>1.701.201.723</b>

# Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Khang An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

## 14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chỉ tiêu	30/06/2018	01/01/2018
Công ty CP Đầu Tư Địa Ốc Khang Việt	2.591.437.500	2.591.437.500
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.591.437.500</b>	<b>2.591.437.500</b>

## 15. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	30/06/2018	01/01/2018
Nhận ký quỹ xây dựng	7.856.518.661	6.431.173.995
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.856.518.661</b>	<b>6.431.173.995</b>

## 16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### a. Cổ phiếu

Chỉ tiêu	31/03/2018	01/01/2018
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.999.999	23.999.999
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.999.999	23.999.999
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	23.999.999	23.999.999
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.999.999	23.999.999
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	23.999.999	23.999.999
<b>Tổng cộng</b>	<b>23.999.999</b>	<b>23.999.999</b>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là: 10.000 đồng/cổ phiếu.

## Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Khang An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

### 16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

#### b. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu và các quỹ

Chỉ tiêu	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm	239.999.990.000	3.542.524.567		68.247.945.749	311.790.460.316
Lợi nhuận giảm trong kỳ	-	-	-	6.666.650.598	2.687.999.888
Lợi nhuận tăng trong kỳ				297.793.456	297.793.456
Số dư cuối năm	239.999.990.000	3.542.524.567		61.879.088.607	309.400.253.884

Đơn vị: đồng Việt Nam

# Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Khang An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

## 17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Quý 2/2018	Quý 2/2017
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.621.722	4.975.701
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Lãi chênh lệch tỷ giá		
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.621.722</b>	<b>4.975.701</b>

## 18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Quý 2/2018	Quý 2/2017
Chi phí lãi vay	54.917.176	55.679.914
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		4.217.772
<b>Tổng cộng</b>	<b>54.917.176</b>	<b>59.897.686</b>

## 19. CHI PHÍ BÁN HÀNG

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Quý 2/2018	Quý 2/2017
Chi phí môi giới	318.891.555	55.679.914
<b>Tổng cộng</b>	<b>318.891.555</b>	<b>59.897.686</b>

## 20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Quý 2/2018	Quý 2/2017
Chi phí nhân viên quản lý	2.115.820.029	1.511.345.296
Chi phí đồ dùng văn phòng	165.528.294	115.161.990
Chi phí khấu hao TSCĐ	109.657.272	135.949.821
Thuế, phí và lệ phí		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	62.927.262	330.340.570
Chi phí bằng tiền khác	1.410.670.274	132.888.163
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.864.603.131</b>	<b>2.225.685.840</b>



# Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Khang An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

## 21. THU NHẬP KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Quý 2/2018	Quý 2/2017
Thu nhập khác	470.284.294	636.741.002
<b>Tổng cộng</b>	<b>470.284.294</b>	<b>636.741.002</b>

## 22. CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Quý 2/2018	Quý 2/2017
Chi phí khác	212.144.864	4.200.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>212.144.864</b>	<b>4.200.000</b>

## 23. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đơn vị: đồng Việt Nam

Các bên liên quan	Quý 2/2018	Quý 2/2017
Hội Đồng Quản Trị	179.191.400	763.898.427
Ban Giám Đốc	297.305.100	339.384.968
Ban Kiểm Soát	126.681.737	
<b>Tổng cộng</b>	<b>603.178.237</b>	<b>604.842.889</b>

Lê Thị Na  
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hồng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Minh  
Chủ tịch HĐQT

Ngày 27 tháng 07 năm 2018